

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/HSST
Ngày 27/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị P; bà Phan Thị N.

Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Lan P- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh H- Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2024/TLST-HS ngày 09/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/QĐXXST-HS ngày 14/8/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn K, xã K huyện S, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1949. Gia đình có: 07 chị em, bị cáo là con thứ 6; Vợ: Trương Thị L, sinh năm: 1993; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 03/2009/HSST ngày 23/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

- Tại Bản án số 25/2010/HSPT ngày 31/3/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2009/HSST ngày 23/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 28 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 09/3/2011.

- Tại Bản án số 53/2012/HSST ngày 17/01/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm e, Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

- Tại Bản án số 38/2012/HSST ngày 28/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 04/2012/QĐ/TA ngày 15/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh B: tổng hợp hình phạt của bản án số 53/2012/HSST ngày

17/01/2012 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B và bản án số 38/2012/HSST ngày 28/3/2012 của Toà án nhân dân huyện Y, hình phạt chung là 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ hai bản án trên ngày 08/7/2014.

Tiền án:

- Tại Bản án số 58/2021/HSST ngày 18/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

- Tại Bản án số 63/2021/HSST ngày 22/01/2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 05/2021/QĐ-TA ngày 15/3/2021 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh: tổng hợp hình phạt của bản án số 58/2021/HSST ngày 18/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B và bản án số 63/2021/HSST ngày 20/01/2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B, hình phạt chung là 50 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ hai bản án ngày 20/02/2024.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Lùng Văn K, sinh năm 2004, HKTT: N, Bản P, huyện H, tỉnh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 4/2024, Nguyễn Văn C có quen biết với một người phụ nữ tên B, sinh năm 1993 ở huyện T, tỉnh B. Do không có tiền tiêu sài nên khoảng 17h00’ ngày 25/5/2024 Công hện B đón C ở cầu T, phường Đ, TP. T, tỉnh B để đi trộm cắp tài sản, B đồng ý. C mang theo 01 tay công và 03 đầu văm phá khóa, 01 tô vít đứt vào túi quần. Đến 17h30’ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius đến đón C, C chở B đi thẳng hướng khu phố D, phường P, thị xã Q. Khi đến khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị H, thấy không đóng cửa cổng, C dừng xe cách cửa khu trọ khoảng 4 - 5m, quan sát xung quanh vắng. Lúc này, C bảo B đứng ngoài cánh giới còn C đi vào sân khu trọ, phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen (không gắn BKS) nên dắt chiếc xe trên ra khỏi khu trọ, đến một khu vực tối cách đó khoảng 50m, rồi dùng văm phá khóa mang theo để bẻ khóa điện của chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được. Khi đang mở khóa, có người dân đi qua phát hiện, tri hô “trộm, trộm”, thấy vậy C để chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được lại rồi bỏ chạy, thời điểm này Bình đang đỗ xe gần đó nghe thấy tiếng tri hô thì điều khiển xe máy bỏ chạy đi đâu C không rõ. Khi C bỏ chạy được khoảng 100m thì bị lực lượng Công an cùng quần chúng nhân dân bắt giữ.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Nguyễn Văn C ngày 25/5/2024 thể hiện: Sưng tấy vùng đỉnh đầu kích thước 5cm; vùng sưng tấy phía trên lông mày bên trái kích thước 7cm; sưng tấy gò má phải kích thước 03cm; mắt bên trái bầm tím; vết xước ngoài bắp chân trái kích thước 05cm, ngoài ra không còn thương tích gì khác.

Tiến hành tra cứu xác minh xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen không biển kiểm soát, số khung: RLHJA3929PY701249, số máy JA39E3006798, xác định xe mô tô trên có BKS 25S1-052.31, tên đăng ký xe là anh Lý A C, sinh năm: 1997; HKTT: S - N - S- L, xe trên đã được anh C bán cho anh K năm 2023, trong quá trình sử dụng anh K đã bị rơi mất biển kiểm soát.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Q kết luận: *“01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, BKS: 25S1-052.31 thời điểm bị trộm cắp có giá là: 13.500.000 đồng”*.

Cáo trạng số: 120/CT-VKSQV ngày 09/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q truy tố Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện, anh Lùng Văn K đã nhận lại tài sản bị C chiếm đoạt ngày 25/5/2024, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2024. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 tay công chữ L dài 17 cm; 03 đầu vạm phá khóa có một đầu hình lục giác, một đầu bẹt, dài 09cm; 01 tô vít màu đen dài 16cm là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, do đã hết giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Vấn đề trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến gì và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 19h50' ngày 25/5/2024, tại khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị H ở khu phố D, phường P, thị xã Q, Nguyễn Văn C có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen BKS: 25S1-052.31 của anh Lùng Văn K, trị giá 13.500.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã Q. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần. Tại Bản án số 58/2021/HSST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại Bản án số 63/2021/HSST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 05/2021/QĐ-TA ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T tỉnh B: tổng hợp hình phạt của bản án số 58/2021/HSST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và bản án số 63/2021/HSST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B, hình phạt chung là 50 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ hai bản án ngày 20/02/2024. Tại các bản án này bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học, ngày 25/5/2024 lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là con người khó giáo dục cải tạo, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo được hưởng quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 tay công chữ L dài 17 cm; 03 đầu vạm phá khóa có một đầu hình lục giác, một đầu bẹt, dài 09cm; 01 tô vít màu đen dài 16cm là vật bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với người phụ nữ tên Bình, là người đi cùng Công để trộm cắp tài sản, Công không biết thông tin, lai lịch cụ thể, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Q ra đã Quyết định truy tìm người đến nay vẫn chưa tìm được nên tiếp tục điều tra, xác minh khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Đối với các thương tích trong quá trình C bị người dân đuổi đánh, bị cáo không biết ai đã thực hiện hành vi trên, do vết thương nhẹ không cần phải điều trị nên bị cáo không có yêu cầu hay đề nghị gì với thương tích trên.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

3. Xử phạt: Nguyễn Văn C 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2024. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày 27/8/2024 để bảo đảm việc thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tay công chữ L dài 17 cm; 03 đầu vạm phá khóa có một đầu hình lục giác, một đầu bẹt, dài 09cm; 01 tô vít màu đen dài 16cm. Theo đúng biên bản bàn giao vật chứng số: 137 ngày 07/8/2024 giữa Công an thị xã Q và Chi cục thi hành án dân sự thị xã.

4. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- CQĐT CA thị xã Quế Võ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh
- CCTHADS thị xã Quế Võ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng